

Số: /2026/QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý chiếu sáng đô thị; phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật - QCVN 07:2023/BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 153/TTr-SXD ngày 18 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định quản lý chiếu sáng đô thị; phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý chiếu sáng đô thị; phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

QUY ĐỊNH

Về quản lý chiếu sáng đô thị; phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chiếu sáng đô thị; phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến các hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Giải thích một số từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ, khái niệm được áp dụng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị; trường hợp văn bản được viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Các từ ngữ, khái niệm khác trong Quy định này được hiểu như sau:

1. *Trạm đèn chiếu sáng công cộng đô thị* là hệ thống bao gồm tủ điện điều khiển, các thiết bị đóng cắt, bảo vệ và đo đếm dùng để điều hành việc cung cấp điện cho một khu vực chiếu sáng xác định. Trạm đèn chiếu sáng không bao gồm trạm biến áp cấp nguồn cho hệ thống trừ các trường hợp đặc thù được cấp thẩm quyền phê duyệt riêng.

2. *Trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng* bao gồm trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng, mạng lưới thông tin tín hiệu của hệ thống chiếu sáng, các tủ khu vực và các tủ điều khiển chiếu sáng.

3. *Tỷ lệ bóng sáng* là tỷ số giữa số lượng đèn hoạt động bình thường trên tổng số đèn lắp đặt trên địa bàn 1 khu vực hoặc các đường phố được cấp điện từ 1 tủ điều khiển chiếu sáng.

4. *LED* (viết tắt của *Light Emitting Diode*, có nghĩa là *đi ốt phát quang*) là các di ốt có khả năng phát ra ánh sáng hay tia hồng ngoại, tử ngoại.

5. *Ballast* (*chấn lưu*) là thiết bị điện có chức năng điều chỉnh dòng điện và cung cấp điện áp khởi động cho bóng đèn phóng điện khí, đảm bảo đèn hoạt động ổn định.

6. *Đơn vị trực tiếp vận hành bảo trì, bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị* là đơn vị có đủ điều kiện và năng lực được lựa chọn theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

7. *UBND cấp xã* là UBND phường và UBND các xã thuộc đô thị nằm trong danh mục được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 về Danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chiếu sáng đô thị

1. Hoạt động chiếu sáng đô thị phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 79/2009/NĐ-CP và các quy định, tiêu chuẩn hiện hành của ngành xây dựng, điện lực, phòng cháy và chữa cháy, giao thông và các ngành khác có liên quan, đảm bảo an toàn mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự và tiết kiệm điện.

2. Khi lập quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình giao thông phải thiết kế hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị phải theo đúng quy định, quy trình kỹ thuật về chiếu sáng, đảm bảo an toàn, tiết kiệm điện, phòng chống cháy nổ và đúng thời gian quy định.

4. Xây dựng mới, cải tạo các công trình chiếu sáng đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị được duyệt và quy định pháp luật có liên quan; tuân thủ Quy định quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và Quyết định số 3342/2013/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định Quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

5. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị; sản xuất, sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện theo đúng quy định. Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng đô thị.

6. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ hệ thống chiếu sáng đô thị, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng hệ thống chiếu sáng đô thị.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Mục 1. QUY HOẠCH, THIẾT KẾ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Điều 5. Quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị

1. Quy hoạch chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh là một nội dung của quy hoạch đô thị được lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

2. Quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với yêu cầu, mục tiêu của quy hoạch đô thị và phát triển đô thị; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội, tính chất, chức năng và đặc thù của tỉnh Thanh Hóa; đảm bảo đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với các công trình và khu vực được chiếu sáng; tuân thủ theo quy định của Nghị định số 79/2009/NĐ-CP, Quy chuẩn QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình chiếu sáng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Thiết kế hệ thống chiếu sáng đô thị

1. Thiết kế công trình chiếu sáng đô thị phải tuân thủ theo quy hoạch, quy định chiếu sáng đô thị, dự án được duyệt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị đối với từng công trình hoặc từng khu vực được chiếu sáng và theo xu hướng ngầm hóa, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng và áp dụng công nghệ, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS).

2. Thiết kế chiếu sáng đối với công trình giao thông:

a) Thiết kế chiếu sáng hè, đường giao thông, hầm đường bộ, cầu và đường trên cao, nút giao thông phải tuân theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị, phòng chống cháy nổ;

b) Sử dụng thống nhất kiểu dáng cột đèn, bóng đèn, đảm bảo phù hợp thẩm mỹ với từng khu vực, tuyến đường, không gian kiến trúc và cảnh quan môi trường xung quanh; đảm bảo các thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chiếu sáng hiện hành;

c) Chiếu sáng trên các cầu và đường trên cao (cầu cạn) phải sử dụng đèn chiếu sáng tương đồng với chiếu sáng của phần đường nối tiếp với cầu, sử dụng những loại đèn tránh gây lóa, an toàn và đảm bảo tính dẫn hướng đối với các đối tượng tham gia giao thông;

d) Việc xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông phải xây dựng đồng bộ các công trình chiếu sáng đô thị.

3. Thiết kế chiếu sáng đối với ngõ, xóm:

a) Thiết kế chiếu sáng có quy mô phù hợp với quy mô của đường, chiều cao hợp lý, sử dụng nguồn sáng tiết kiệm điện, an toàn, mỹ quan đô thị và được vận hành đóng, mở từ tủ điều khiển chiếu sáng độc lập hoặc tủ điều khiển đường phố kết nối được với trung tâm điều khiển, đèn ở các vị trí góc phải được vận hành một chế độ;

b) Khi lắp dựng cột đèn mới phải đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và theo thiết kế được duyệt;

c) Trường hợp không dựng được cột đèn mới, đơn vị thiết kế phải thiết kế giải pháp an toàn và chủ đầu tư phải thỏa thuận với đơn vị quản lý cột hoặc vật kiến trúc khác để lắp đèn chiếu sáng nhưng phải đảm bảo mỹ quan và an toàn trong mọi điều kiện.

4. Thiết kế chiếu sáng không gian công cộng đô thị được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP, bao gồm các khu vực: Công viên, vườn hoa, quảng trường, các khu vực ven hồ nước, ven hai bên bờ sông và các không gian công cộng có ý nghĩa về chính trị, lịch sử, văn hóa trong đô thị. Việc chiếu sáng không gian công cộng phải góp phần tăng tính thẩm mỹ không gian đô thị, kết hợp hài hòa giữa các yếu tố cảnh quan như cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, mặt nước với các công trình kiến trúc, tượng đài, đài phun nước và các công trình khác.

5. Thiết kế chiếu sáng công viên, vườn hoa, các khu vực ven hồ nước, ven hai bên bờ sông:

Việc thiết kế chiếu sáng công viên, vườn hoa, các khu vực ven hồ nước, ven hai bên bờ sông phải phù hợp với cảnh quan kiến trúc, thiết kế đô thị và đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật; các cột đèn chiếu sáng, nguồn sáng phải làm tăng giá trị cảnh quan không gian kiến trúc và đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ. Khi thiết kế chiếu sáng công viên, vườn hoa, các khu vực ven hồ nước, ven hai bên bờ sông cần bố trí các tủ cấp điện cho chiếu sáng trang trí phục vụ các ngày lễ, tết, sự kiện của đô thị, của địa phương.

6. Thiết kế chiếu sáng quảng trường, nút giao thông:

Chiếu sáng các nút giao thông quảng trường phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn chiếu sáng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, độ chói mặt đường yêu cầu không nhỏ hơn độ chói các đường chính dẫn vào nút giao thông. Việc thiết kế chiếu sáng ưu tiên dùng cột thép có chiều cao thích hợp để lắp đèn pha chiếu sáng rộng. Đối với quảng trường, ngoài yêu cầu thiết kế nút giao thông trên, cần thiết kế đồng bộ chiếu sáng kiến trúc và chiếu sáng mặt ngoài các công trình xung quanh quảng trường theo Điều 7 của Quy định này.

7. Đối với các dự án cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị, cải tạo hạ tầng kỹ thuật đô thị có ảnh hưởng đến hệ thống chiếu sáng hiện hữu thực hiện theo Luật Xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 7. Chiếu sáng kiến trúc và chiếu sáng mặt ngoài công trình

1. Các công trình cần được thiết kế chiếu sáng kiến trúc và chiếu sáng mặt ngoài công trình được quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 79/2009/NĐ-CP, bao gồm: công trình kiến trúc, xây dựng; công trình di tích lịch sử, văn hóa, thể thao; tháp truyền hình; ăng ten thu, phát sóng có kiểu dáng, hình ảnh và vị trí tạo điểm nhấn của đô thị hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến bộ mặt kiến trúc và cảnh quan đô thị phải được chiếu sáng mặt ngoài hoặc một phần mặt ngoài của công trình.

2. Thiết kế chiếu sáng kiến trúc phải phối hợp hài hòa các giải pháp:

- a) Chiếu sáng chung đồng đều trên các bề mặt chính công trình;
- b) Chiếu sáng cục bộ để khắc họa chi tiết kiến trúc đặc thù (như cột nhà, cửa sổ, chóp mái và các chi tiết kiến trúc tương tự);
- c) Kết hợp với chiếu sáng không gian xung quanh công trình như không gian cây xanh xung quanh công trình, chiếu sáng trang trí mặt bằng khu vực công trình để tăng hiệu quả thẩm mỹ cho công trình kiến trúc.

3. Thiết kế chiếu sáng kiến trúc các tòa nhà cao tầng:

- a) Các tòa nhà cao tầng có chiều cao từ 45 m trở lên hoặc có vị trí xây dựng thuộc khu vực có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng phải bố trí đèn báo không theo quy định về quản lý chướng ngại vật hàng không và bảo đảm an toàn bay;
- b) Hệ thống chiếu sáng trang trí kiến trúc các tòa nhà vận hành ở 2 chế độ: chế độ ngày thường và chế độ ngày chủ nhật, ngày lễ, tương ứng với các công suất tiêu thụ khác nhau để đảm bảo thẩm mỹ và tiết kiệm điện.

4. Thiết kế chiếu sáng kiến trúc các công trình kiến trúc có ý nghĩa lịch sử, văn hóa: Đối với các công trình kiến trúc có ý nghĩa lịch sử, văn hóa ở các vị trí trung tâm, dọc các tuyến phố chính hoặc có ảnh hưởng đến không gian đô thị phải có thiết kế hệ thống chiếu sáng kiến trúc.

5. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng các công trình quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổ chức thực hiện chiếu sáng kiến trúc và chiếu sáng mặt ngoài công trình bảo đảm các yêu cầu sau: a) Phù hợp với chức năng công trình, cảnh quan khu vực và quy hoạch chiếu sáng đô thị; b) Bảo đảm an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy và tiết kiệm năng lượng; c) Không gây chói, lóa, ảnh hưởng đến giao thông, môi trường và sinh hoạt của khu vực xung quanh; d) Thực hiện đúng thời gian chiếu sáng theo quy định; đ) Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Điều 8. Chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội

1. Chiếu sáng quảng cáo phải tuân thủ các quy định của Luật Quảng cáo năm 2012, Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ, QCVN 07-7:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình chiếu sáng và các quy định pháp luật có liên quan; Bảo đảm sự an toàn, tính thẩm mỹ của đô thị, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông và các hoạt động khác của các đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Chiếu sáng trang trí phục vụ khu vực sự kiện, lễ hội được tổ chức thực hiện theo Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan; phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm đa dạng, phù hợp với từng vị trí trang trí, góp phần tạo không khí cho sự kiện, lễ hội;

b) Phù hợp với yêu cầu về tổ chức không gian, cảnh quan kiến trúc đô thị theo quy hoạch, thiết kế đô thị (nếu có) và tính chất, nội dung của sự kiện, lễ hội;

c) Bảo đảm tính thẩm mỹ cả ban ngày và ban đêm;

d) Các khung hoa văn trang trí, thiết bị chiếu sáng (bao gồm đèn LED) phải bảo đảm an toàn, tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện vận hành ngoài trời;

đ) Bảo đảm thuận tiện trong quá trình thi công, lắp đặt, vận hành và tháo dỡ;

e) Tuân thủ các quy định về an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Điều 9. Chiếu sáng trong khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng

1. Đảm bảo những nội dung theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Việc chiếu sáng phải bảo đảm phù hợp với không gian xung quanh, không gây chói, lóa, không ảnh hưởng đến tầm nhìn và an toàn giao thông,

không cản trở hoạt động của hệ thống hạ tầng kỹ thuật; tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Điều 10. Kế hoạch đầu tư, phát triển chiếu sáng công cộng đô thị

1. Căn cứ quy hoạch đô thị được duyệt và yêu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị của địa phương, Cơ quan quản lý chiếu sáng cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân phối hợp với đơn vị được giao quản lý vận hành chiếu sáng công cộng đô thị, đề xuất, lập kế hoạch đầu tư, phát triển chiếu sáng công cộng đô thị hàng năm.

2. Kế hoạch đầu tư, phát triển chiếu sáng công cộng đô thị hàng năm phải đảm bảo những nội dung cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP.

Mục 2. QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ

Điều 11. Quản lý, lưu trữ hồ sơ

1. Chủ đầu tư, đơn vị thi công công trình chiếu sáng đô thị phải tuân thủ quy định hiện hành về việc lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình.

2. Đơn vị được giao quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ liên quan đến việc quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị.

3. Cơ quan quản lý nhà nước lưu giữ hồ sơ đối với hệ thống chiếu sáng đô thị theo phân công, phân cấp quản lý.

Điều 12. Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị

1. Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị phải đảm bảo về chiếu sáng, an toàn, tiết kiệm điện, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và đạt tỷ lệ bóng sáng như sau:

- a) Đối với đường phố là 95% đến 100%;
- b) Đối với ngõ xóm tối thiểu là 90%;
- c) Đối với công viên, vườn hoa là 90% đến 100%.

2. Thời gian vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng được điều chỉnh linh hoạt theo từng mùa, điều kiện thời tiết và tiết giảm cường độ bóng sáng sau 23 giờ đêm để tiết kiệm điện năng, cụ thể như sau:

a) Giờ chiếu sáng công cộng mùa hè từ 18 giờ 30 phút đến 4 giờ 30 phút ngày hôm sau, mùa đông từ 18 giờ 00 phút đến 5 giờ 00 phút ngày hôm sau;

b) Áp dụng các biện pháp giảm điện năng tiêu thụ nhưng phải đảm bảo an toàn trong các thời gian lưu lượng giao thông thấp từ 23 giờ đến sáng hôm sau:

chuyển sang chế độ tiết giảm từ 30% đến 40% công suất đối với các lưới chiếu sáng có tu điều chỉnh điện áp hoặc lắp ballast 2 mức công suất;

c) Vào các ngày Lễ, Tết và các sự kiện quan trọng của quốc gia và địa phương hoặc điều kiện thời tiết bất lợi làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông thì vận hành theo phương án được cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng phê duyệt.

Điều 13. Quản lý vận hành trạm đèn chiếu sáng công cộng đô thị

1. Việc quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng phải đảm bảo đóng cắt an toàn, phòng chống cháy nổ và đảm bảo yêu cầu tại Điều 12 của Quy định này và theo quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Công tác quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng phải thực hiện theo đúng quy trình quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng được cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng phê duyệt.

3. Toàn bộ việc vận hành trạm đèn chiếu sáng công cộng phải được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ nhật ký vận hành theo quy định.

4. Cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý vận hành trạm chiếu sáng công cộng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác quản lý vận hành trạm và hồ sơ nhật ký vận hành làm cơ sở để thanh quyết toán theo quy định.

Điều 14. Quản lý trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng đô thị

Khi các trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng tại các đô thị được xây dựng và đưa vào sử dụng. Đơn vị trực tiếp vận hành Trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng đô thị có trách nhiệm thực hiện theo đúng nhiệm vụ, các quy định về quản lý, vận hành đã ký kết theo hợp đồng. Việc quản lý, vận hành Trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng đô thị phải đảm bảo:

1. Điều chỉnh linh hoạt thời gian đóng cắt hệ thống chiếu sáng tại các khu vực từ trung tâm theo tình hình thời tiết, giảm tiêu thụ điện năng nhưng phải đảm bảo an toàn.

2. Từ trung tâm cho phép đóng cắt và giám sát tới từng tủ chiếu sáng.

3. Quan sát tức thời các thông số điện áp, dòng điện. Báo hiệu sự cố khi có tình trạng chập chập, quá tải và các hiện tượng câu móc điện.

4. Quản lý số liệu vận hành phải thể hiện đầy đủ tình trạng đóng cắt, mức độ tiêu thụ điện năng.

5. Tổng hợp số liệu, chiết xuất các báo cáo phục vụ công tác quản lý.

Điều 15. Công tác thay thế vật tư, thiết bị duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị

1. Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng có trách nhiệm lập kế hoạch dự toán bảo trì thay thế sửa chữa hệ thống chiếu sáng, bảo đảm chiếu sáng và an toàn hệ thống, hoạt động ổn định đạt tỷ lệ sáng theo quy định và vận hành an toàn. Các vật tư, thiết bị hư hỏng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cần được thay thế kịp thời để duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng hoạt động tốt với chi phí thấp nhất.

2. Thay thế sửa chữa vật tư, thiết bị hư hỏng hoặc mất an toàn: Các vật tư, thiết bị hư hỏng làm cho một hoặc nhiều đèn không hoạt động bình thường hoặc có khả năng gây nguy hiểm cho người và tài sản cần được xử lý sửa chữa ngay để đảm bảo an toàn.

3. Thay thế thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật: Các vật tư, thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật (như bóng đèn già gây hiện tượng giảm quang thông, sáng không ổn định; ballast rung, phát tiếng động lớn khi hoạt động...) phải được lập dự toán duy trì để sửa chữa, thay thế.

Điều 16. Công tác quản lý, vận hành hệ thống cột đèn chiếu sáng

1. Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng thực hiện:

a) Lập kế hoạch duy tu hệ thống cột, thống kê các cột không đảm bảo an toàn và thông báo cho các đơn vị có hệ thống đường dây đi nổi trên cột để phối hợp xử lý, có biện pháp di chuyển, bổ sung cột cho phù hợp và sắp xếp lại các đường dây treo trên cột đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị;

b) Lập danh sách thống kê, cập nhật trên bản vẽ vị trí các cột đèn chiếu sáng.

2. Khi có sự cố cột, các tình huống khẩn cấp, đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng là đầu mối phối hợp với các đơn vị có đường dây khắc phục sự cố, cụ thể:

a) Khắc phục tạm thời (để đảm bảo an toàn, đảm bảo không ùn tắc giao thông,...) chậm nhất là sau 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Trong giai đoạn khắc phục tạm thời, phải đảm bảo các tuyến đường dây, cáp vận hành thông suốt và đảm bảo an toàn tại hiện trường;

b) Khắc phục triệt để chậm nhất là sau 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Đối với trường hợp phải thay mới cột, đường dây, thời gian khắc phục triệt để không kéo dài quá 3 ngày.

3. Trong trường hợp nâng cấp, cải tạo hoặc dỡ bỏ hệ thống cột đèn chiếu sáng công cộng hiện có, tổ chức, cá nhân có thiết bị khác gắn trên hệ thống cột đèn chiếu sáng công cộng này phải tự dịch chuyển hoặc dỡ bỏ những thiết bị đó trong thời gian quy định bằng nguồn vốn của tổ chức hoặc cá nhân đó.

Chương III

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước về chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì hướng dẫn về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chiếu sáng đô thị; tổng hợp và phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh.

d) Cấp giấy phép thi công đối với các dự án đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đô thị do Sở Xây dựng quản lý trong khi thi công theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

đ) Thông báo thời gian áp dụng giờ chiếu sáng công cộng mùa hè, mùa đông đến UBND cấp xã và đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị để vận hành thống nhất.

e) Chủ trì phối hợp với Sở Công thương, UBND cấp xã và cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động tổ chức cá nhân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị.

g) Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

h) Theo dõi, tổng hợp dữ liệu về chiếu sáng đô thị và tình hình hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Tài chính:

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh và quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để đầu tư phát triển hệ thống

chiếu sáng công cộng đô thị trên các tuyến quốc lộ thuộc phạm vi quản lý và đường tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh cân đối kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh để phục vụ công tác quản lý, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị đối với các tuyến đường thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp hiện hành; hướng dẫn UBND cấp xã bố trí kinh phí thực hiện đối với các tuyến đường được giao quản lý theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc áp dụng định mức, đơn giá và quy trình thanh, quyết toán các khoản chi phí đặc thù trong quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Sở Công Thương:

a) Chỉ đạo Công ty Điện lực Thanh Hóa, các Tổ chức quản lý kinh doanh điện đảm bảo nguồn điện duy trì hoạt động thường xuyên, an toàn, đáp ứng yêu cầu của hệ thống chiếu sáng đô thị đảm bảo cung cấp điện ổn định cho hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp xã và các cơ quan chức năng liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống chiếu sáng đô thị, việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng đô thị và bảo đảm an toàn, đúng mục đích, bảo vệ môi trường phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp xã quản lý chiếu sáng công trình văn hóa, lịch sử, tượng đài, đài tưởng niệm, vườn hoa, công viên, chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội, đảm bảo an toàn.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng để cung cấp thông tin công nghệ khoa học mới về quản lý, vận hành chiếu sáng công cộng, hướng dẫn các đơn vị áp dụng khoa học và công nghệ trong quản lý chiếu sáng đô thị.

6. Công an tỉnh:

a) Chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến hệ thống chiếu sáng đô thị theo quy định của pháp luật.

b) Căn cứ tình hình thực tiễn tại các địa phương, phối hợp với chính quyền cấp xã lắp đặt hệ thống chiếu sáng tại các điểm phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội và phòng chống tội phạm.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh:

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về chiếu sáng đô thị đối với các công trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh, bao gồm:

- Cấp giấy phép thi công đối với các dự án đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng phải đào hè đường trong khi thi công trên địa bàn quản lý theo đúng quy định;

- Kiểm tra, xử lý việc triển khai thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chiếu sáng đô thị đối với các công trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động tổ chức cá nhân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị trong Khu kinh tế và các Khu công nghiệp.

c) Theo dõi, tổng hợp dữ liệu về chiếu sáng đô thị và tình hình hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Điều 18. Phân cấp cho UBND cấp xã.

1. Tổ chức thực hiện quản lý hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn thuộc quyền quản lý.

2. UBND cấp xã là chủ sở hữu hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị và kinh phí thực hiện để đưa vào chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

4. Chấp thuận chiếu sáng quảng cáo, chiếu sáng trang trí, chiếu sáng khu vực phục vụ sự kiện, lễ hội phù hợp vị trí, quy mô của mỗi công trình hoặc khu vực cụ thể trong đô thị theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP.

5. Định kỳ, trước ngày 10 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Sở Xây dựng về tình hình thực hiện quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị

1. Đảm bảo quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo đúng quy định tại Điều 12 của Quy định này.

2. Thực hiện đúng nội dung và yêu cầu trong hợp đồng giữa cơ quan quản lý, sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành.

3. Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo nội dung quy định tại Điều 23 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP và các quy định cụ thể về quản lý chiếu sáng đô thị do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP.

Điều 20. Trách nhiệm của các Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng

Chủ đầu tư các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án có hệ thống chiếu sáng đô thị phải tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị. Thiết kế và thi công xây dựng các công trình chiếu sáng phải gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận theo hướng hiện đại và bảo đảm mỹ quan đô thị. Sau khi xây dựng hoàn thành, có trách nhiệm quản lý đồng bộ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị hoặc bàn giao cho các cơ quan quản lý theo nội dung chấp thuận đầu tư dự án.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan để hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

2. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế ngân sách cấp xã hàng năm đảm bảo cho hoạt động của hệ thống chiếu sáng đô thị được phân cấp quản lý theo quy định hiện hành.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu về chiếu sáng đô thị phục vụ công tác quản lý chiếu sáng trên địa bàn.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân sử dụng điện chiếu sáng an toàn, đúng mục đích; sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện và chấp hành các quy định của pháp luật về chiếu sáng đô thị.

d) Kiểm tra, xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm hoạt động chiếu sáng đô thị trên địa bàn theo quy định.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những nội dung cần phải điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.